TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1303/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 04 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Danh Đời.

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Phạm Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên họp: Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp công khai giải quyết Việc dân sự thụ lý số 743/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 1749/2023/QĐST-DS ngày 19/4/2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

+ Ông **VTTN**, sinh năm 1985.

+ Bà **HBK**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: M Đường C, khu phố 5, phường AP, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Ông N, bà K đều yêu cầu giải quyết vắng mặt*)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, Bản tự khai của ông VTTN và bà HBK, cả hai thống nhất trình bày như sau:* Về quan hệ hôn nhân, ông N và

bà K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2013 ngày 13/8/2013. Sau thời gian chung sống, hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải hòa, sau đó hai vợ chồng sống ly thân. Ông N và bà K xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên ông N và bà K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông N và bà K trình bày có 02 người con chung gồm: Vũ HAK, sinh ngày 24/11/2014 và VHN, sinh ngày 03/6/2019. Hai bên thống nhất sau khi ly hôn, giao hai con chung nêu trên cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông N không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Hai bên đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N và bà K đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến*:

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" cũng như tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết đơn yêu cầu. Đồng thời, người yêu cầu trong việc dân sự được thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 51, Điều 55, và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông N và bà K, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông N và bà K; giao hai con chung là Vũ HAK và VHN cho bà HBK nuôi dưỡng, chăm sóc, ông N không cấp dưỡng cho con. Lệ phí giải quyết việc dân sự ông N và bà K chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết việc dân sự: Xét thấy, ông VTTN và bà HBK yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và ông N, bà K cư trú tại thành phố Thủ Đức nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý, giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" là đúng quan hệ và thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông N và bà K đều có đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà K là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/8/2013, tại thời điểm đăng ký kết hôn hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà K là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông N và bà K yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn với lý do hai bên có mẫu thuẫn không thể giải hòa, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông N và bà K không còn, hai người không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; hai người đã sống ly thân nên không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông N và bà K theo quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông N và bà K có 02 (hai) người con chung gồm: **Vũ HAK**, sinh ngày 24/11/2014 và **VHN**, sinh ngày 03/6/2019. Hai bên thống nhất sau khi ly hôn, giao hai con chung nêu trên cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông N không cấp dưỡng cho con. Tại bản tự khai, cháu Vũ HAK cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ, do đó có cơ sở ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên như trên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có căn cứ, phù hợp với phân tích trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình:

Ông N và bà K phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6 Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6 Luật Phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của ông **VTTN**, sinh năm 1985, căn cước công dân số 079085034872 cấp ngày 19/01/2022 và bà **HBK**, sinh năm 1983, căn cước công dân số 095183010211 cấp ngày 09/8/2021.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông VTTN và bà HBK.

Quan hệ hôn nhân giữa ông VTTN và bà HBK (theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 48, quyển 01/2013 đăng ký ngày 13/8/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2. Về con chung: Ông N và bà K có 02 (hai) người con chung gồm: **Vũ HAK**, sinh ngày 24/11/2014 và **VHN**, sinh ngày 03/6/2019. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông N và bà K về việc giao 02 con chung nêu trên cho bà HBK trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng cho con: Bà HBK không yêu cầu ông VTTN cấp dưỡng cho con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông N cho đến khi phát sinh yêu cầu cấp dưỡng hay nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

1.4. Về tài sản chung: Ông N và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông N và bà K thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân gia đình: Ông VTTN và bà HBK phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002663 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N và bà K đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- UBND Phường 3, quận PN, TP.HCM;
- Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự (Đ-Huệ), 15.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Danh Đời